

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tăng Tùng Chân

Bà Phước Thị Kim Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: không có.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Thanh P, sinh ngày 12/9/1966. Địa chỉ: khóm x, thị trấn Định A, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 25/01/1969. Địa chỉ: khóm x, thị trấn Định A, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Trương Thanh P trình bày: Vào năm 1990, ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, sau này có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định An (nay là thị trấn định An), huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/11/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong

cuộc sống, bà T tính tình thay đổi và không tôn trọng ông, thường hay chửi bới, xúc phạm ông trước mặt bạn bè, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông đã dọn ra sống riêng bên ngoài và vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay, không bên nào tạo điều kiện hàn gắn, hiện nay ông và bà T không còn sống chung với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Về con chung có 02 người con chung tên Trương Thị Ngọc N, sinh ngày 15/5/1991 và Trương Thanh T, sinh ngày 28/02/1994, hiện con đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 09/5/2023 và ngày 24/5/2023; tham gia phiên tòa vào ngày 16/6/2023 nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt, tại bản tự khai ngày 07/6/2023 bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông P, đồng thời yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân huyện Trà Cú đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp cho bị đơn các văn bản tố tụng từ khi thụ lý, tiếp cận, công khai, giao nộp chứng cứ và hòa giải, xét xử theo Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị T.

[2] Ông Trương Thanh P và bà Nguyễn Thị T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện được gia đình đôi bên tổ chức lễ cưới vào năm 1990 và có đăng ký kết hôn ngày 21/11/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Định An (nay là thị trấn Định An), huyện Trà Cú theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên hôn nhân của ông P và bà T là hợp pháp. Sau kết hôn, ông P và bà T chung sống có 02 người con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc, tuy nhiên chung sống năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải, động viên, thuyết phục để tạo điều kiện cho ông P và bà T hàn gắn, đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng không đạt kết quả do ông P cương quyết ly hôn, còn bà T không đến Tòa án tham gia tố tụng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông P và bà T đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ly thân từ năm 2022 đến nay, không bên nào tạo điều kiện hàn gắn, chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ

Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông P được ly hôn với bà T.

[3] Về con chung: có 02 người con chung tên Trương Thị Ngọc N, sinh ngày 15/5/1991 và Trương Thanh T, sinh ngày 28/02/1994, hiện đã trưởng thành và lập gia đình riêng, ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không tranh chấp nên Tòa án không xem xét.

[5] Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 177, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh P về việc yêu cầu ly hôn đối với bà Nguyễn Thị T.

Cho ông Trương Thanh P được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: có 02 người con chung tên Trương Thị Ngọc N, sinh ngày 15/5/1991 và Trương Thanh T, sinh ngày 28/02/1994, hiện đã trưởng thành và lập gia đình riêng, ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: các bên không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trương Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015269 ngày 17/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú. Bị đơn bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Trương Thanh P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ..

Nơi nhận:

- Cá đương sự;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND thị trấn Định A;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Phúc